



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)**



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.835.864.049.498	4.105.229.855.343
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.507.556.350.185	960.027.120.496
111	1. Tiền	4	86.880.421.841	234.294.781.676
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.420.675.928.344	725.732.338.820
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		336.625.694.961	749.169.998.917
121	1. Chứng khoán kinh doanh	12.1	67.685.846.043	177.729.007.570
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12.1	(8.033.050.212)	(84.395.028.952)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		276.972.899.130	655.836.020.299
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.242.696.566.014	1.148.403.790.279
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		691.615.424.530	630.344.198.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		365.888.591.618	252.254.783.186
134	3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng		189.569.177.939	215.375.166.605
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	5	62.094.645.882	117.461.604.628
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(66.471.273.955)	(67.031.962.457)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.707.040.455.628	1.230.323.799.872
141	1. Hàng tồn kho		1.734.169.961.919	1.256.874.302.396
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(27.129.506.291)	(26.550.502.524)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		41.944.982.710	17.305.145.779
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.992.524.750	4.300.544.849
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		34.475.921.884	12.022.479.231
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		1.476.536.076	982.121.699
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		7.668.585.722.727	7.291.405.321.230
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		36.828.542.017	36.953.263.496
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		2.419.142.235	2.801.963.714
216	2. Phải thu dài hạn khác	5	34.409.399.782	34.151.299.782
220	II. Tài sản cố định		499.719.513.300	528.638.925.974
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	467.642.406.439	495.558.428.359
222	- Nguyên giá		1.659.957.015.174	1.642.111.287.189
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.192.314.608.735)	(1.146.552.858.830)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

ĐVT: VND

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	32.077.106.861	33.080.497.615
228	- Nguyên giá		50.052.083.588	49.927.083.588
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.974.976.727)	(16.846.585.973)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	503.882.905.747	673.433.406.527
231	1. Nguyên giá		999.065.511.222	1.156.269.585.879
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(495.182.605.475)	(482.836.179.352)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		954.532.377.760	571.484.578.870
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	954.532.377.760	571.484.578.870
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	12	5.629.794.007.551	5.377.448.671.155
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.3	4.273.693.334.138	4.017.019.091.310
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	1.513.306.648.467	1.437.605.391.646
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(157.205.975.054)	(77.175.811.801)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		43.828.376.352	103.446.475.208
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		14.559.972.392	45.385.172.163
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		26.085.635.847	37.566.749.831
269	3. Lợi thế thương mại		3.182.768.113	20.494.553.214
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.504.449.772.225	11.396.635.176.573
<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		5.271.439.303.561	3.675.493.958.642
310	I. Nợ ngắn hạn		2.855.652.005.164	2.617.614.139.511
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		416.982.368.558	405.820.702.928
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.456.050.335.649	1.169.235.526.184
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	50.418.520.231	84.670.194.930
314	4. Phải trả người lao động		11.770.809.821	27.490.817.907
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	170.097.195.007	238.255.328.396
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		739.105.250	472.467.559
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	283.046.356.228	74.840.997.511
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	461.366.395.654	594.470.465.413
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		3.260.254.017	20.736.522.934
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.920.664.749	1.621.115.749
330	II. Nợ dài hạn		2.415.787.298.397	1.057.879.819.131
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	216.021.614.780	141.415.252.040
338	2. Vay và nợ dài hạn	16	2.164.582.193.139	899.220.584.250
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		35.183.490.478	17.243.982.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Ngày 30 tháng 09 năm 2017

DVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	8.233.010.468.664	7.721.141.217.931
410	I. Vốn chủ sở hữu		8.233.010.468.664	7.721.141.217.931
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.489.310.786	1.050.489.310.786
415	4. Cổ phiếu quỹ		(83.026.660)	(83.026.660)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.108.151.903	1.122.846.069
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		239.830.905.124	238.118.820.390
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.304.296.547.064	2.765.893.850.270
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.265.329.933.169	1.672.656.835.783
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.038.966.613.895	1.093.237.014.487
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		536.780.170.447	565.011.007.076
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.504.449.772.225	11.396.635.176.573

Phạm Thị Uyên Phương
 Người lập

Hồ Trần Diệu Linh
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Mai Thanh
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

DVT: VND

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.083.688.960.819	937.663.871.621	3.329.804.438.217	2.361.008.985.617
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(581.686.220)	(18.480.000)	(2.310.586.893)	(3.285.011.712)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	1.083.107.274.599	937.645.391.621	3.327.493.851.324	2.357.723.973.905
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(770.915.816.115)	(663.768.606.521)	(2.441.678.308.607)	(1.610.736.108.007)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		312.191.458.484	273.876.785.100	885.815.542.717	746.987.865.898
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	44.025.174.312	47.568.909.553	128.715.461.379	121.151.720.331
22	7. Chi phí tài chính	19	(34.145.200.136)	(12.880.916.074)	(174.641.619.555)	(46.931.542.905)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.651.640.020)	(12.328.406.278)	(62.126.800.561)	(41.840.799.543)
24	8. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết		183.917.128.134	69.157.762.616	570.410.047.844	4.923.529.292
25	9. Chi phí bán hàng		(20.343.647.924)	(24.561.170.776)	(58.340.731.245)	(53.209.626.396)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(41.261.558.380)	(42.701.774.436)	(134.166.399.117)	(111.002.922.041)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		444.383.354.490	310.459.595.983	1.217.792.302.023	661.919.024.179
31	12. Thu nhập khác	20	5.182.249.434	3.173.545.941	10.396.407.981	8.267.010.291
32	13. Chi phí khác	20	(1.817.360.207)	(692.935.292)	(4.485.312.358)	(1.497.749.562)
40	14. Lợi nhuận khác		3.364.889.227	2.480.610.649	5.911.095.623	6.769.260.729
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		447.748.243.717	312.940.206.632	1.223.703.397.646	668.688.284.908
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(51.330.512.657)	(49.355.312.189)	(113.202.707.899)	(134.038.143.075)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.1	1.613.585.104	599.248.971	(11.481.113.982)	604.915.227
60	18 Lợi nhuận sau thuế TNDN		398.031.316.164	264.184.143.414	1.099.019.575.765	535.255.057.060
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		26.644.793.287	18.206.358.202	60.052.961.870	46.538.906.428
62	18.2 Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		371.386.522.877	245.977.785.212	1.038.966.613.895	488.716.150.632
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.198	793	3.351	1.652


 Phạm Thị Uyên Phương
 Người lập
 Ngày 27 tháng 10 năm 2017


 Hồ Trần Diệu Linh
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Giải trình nguyên nhân biến động kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III/2017:

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty Mẹ quý III năm 2017 đạt 371,4 tỷ đồng, tăng 125,4 tỷ đồng tương ứng tăng 51 % so với cùng kỳ năm 2016, là do :

- Lợi nhuận biến động tăng chủ yếu từ mảng Điện-Nhiên liệu, Quý III/2017 đạt lợi nhuận 169 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước là 60 tỷ đồng, trong đó số ảnh hưởng chủ yếu từ các công ty liên kết sau, có kết quả tăng trưởng so với cùng kỳ 2016 : Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại, Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ và Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Ba Hạ và thành viên Công ty CP Thủy Điện Thác Bà.

- Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Nước Sạch Sài Gòn đã đi vào vận hành và có lợi nhuận trong 2017 trong khi cùng kỳ năm 2016 vẫn còn đang trong giai đoạn lỗ hoạt động ban đầu, cũng đóng góp trong sự gia tăng lợi nhuận của Mảng Nước Quý III /2017 so với cùng kỳ 15 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.223.703.397.646	668.688.284.908
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	8,9,11	98.232.279.397	99.885.867.539
03	Các khoản dự phòng		4.149.738.498	2.121.051.145
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(306.745.477)	(2.436.774.202)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(696.361.195.376)	(122.479.817.152)
06	Chi phí lãi vay	19	62.126.800.561	41.840.799.543
07	Các khoản điều chỉnh khác			
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		691.544.275.249	687.619.411.781
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(189.216.090.749)	(417.861.867.999)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(341.820.770.355)	(326.976.675.296)
11	(Tăng) giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		506.235.715.339	63.267.719.265
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		29.133.219.870	(8.687.114.396)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		110.043.161.527	(1.812.748.113)
14	Tiền lãi vay đã trả		(62.180.118.824)	(47.033.729.567)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(152.342.649.679)	(122.394.584.885)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.941.335.401
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.152.352.000)	(5.610.390.382)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		588.244.390.378	(173.548.644.191)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(403.895.928.188)	(205.113.197.223)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.994.490.909	1.143.033.909
23	Tiền chi cho vay		(157.352.847.569)	(389.029.221.812)
24	Tiền thu hồi cho vay của các đơn vị khác		536.215.968.738	1.221.293.971
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(127.270.901.923)	(391.399.501.533)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.159.835.657	94.793.586.252
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		526.506.294.117	473.531.447.586
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		413.356.911.741	(414.852.558.850)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(11.723.884.279)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.116.736.421.890	1.384.606.449.478
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.984.478.882.760)	(1.230.926.309.185)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(586.693.327.725)	(286.732.676.843)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		545.564.211.405	(144.776.420.829)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.547.165.513.524	(733.177.623.870)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		960.027.120.496	1.419.715.236.964
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		363.716.165	(683.138.529)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		2.507.556.350.185	685.854.474.565

Phạm Thị Uyên Phương
Người lập

Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300741143 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp được điều chỉnh mới nhất vào ngày 03 tháng 06 năm 2016. Cổ phiếu của công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Nhóm Công ty bao gồm công ty mẹ, công ty con và các công ty liên kết như được trình bày ở thuyết minh số 12 của báo cáo này.

Hoạt động chính của Nhóm công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E) , sản xuất và lắp đặt các hệ thống điều hòa không khí, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông và đồ điện gia dụng, sở hữu và cho thuê cao ốc văn phòng; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; khai thác xử lý và cung cấp nước; sản xuất điện; tư vấn, đấu giá bất động sản và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Và cập nhật một số nội dung chủ yếu theo Thông Tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của nhóm Công ty là chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng VNĐ cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 09 năm 2017. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước – xuất trước.
Thành phẩm và sản phẩm dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm báo cáo. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê vẫn giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào tài sản cố định của Công ty trên bảng cân đối kế toán.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5-20 năm
Phương tiện vận tải	6-15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	36-50 năm
Phần mềm vi tính	1-3 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua hoặc xây dựng bất động sản.

Khấu hao

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị phụ trợ	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3-6 năm
Bất động sản đầu tư khác	2 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì khoản chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ tối đa mười (10) năm.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư của Công ty vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo số liệu của các công ty liên kết chưa được kiểm toán.

3.12 Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

3.13 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn thị giá vào thời điểm cuối kỳ báo cáo theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh lại theo như quy định của Thông Tư số 200/2014TT/BTC ngày 22/12/2014. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

> Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

> Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty được thực hiện theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng HTKD)

Doanh thu được ghi nhận khi Hợp đồng HTKD công bố chia lợi nhuận cho các bên tham gia Hợp đồng HTKD.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các khoản đầu tư được bán. Thu nhập từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư và các khoản thu nhập này được ghi nhận khi cổ tức được công bố.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.19 Thuế (tiếp theo)****Thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.19 Thuế (tiếp theo)**

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại và được ghi nhận là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

4. TIỀN

	DVT: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.241.889.389	1.589.296.245
Tiền gửi ngân hàng	85.638.532.452	232.705.485.431
TỔNG CỘNG	86.880.421.841	234.294.781.676

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

A/ Ngắn hạn

	DVT: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	11.040.667.478	11.906.911.139
Cổ tức phải thu	5.401.862.550	77.823.252.000
Phải thu người lao động	13.849.314.140	454.069.181
Tạm ứng đầu tư dự án	25.589.626.015	11.540.326.607
Ký quỹ, ký cược	884.909.827	-
Phải thu khác	5.328.265.872	15.737.045.701
TỔNG CỘNG	62.094.645.882	117.461.604.628

B/ Dài hạn

	DVT: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu chi phí đền bù đất	29.403.340.900	29.403.340.900
Ký quỹ, ký cược	3.915.004.135	3.658.904.135
Phải thu khác	1.091.054.747	1.089.054.747
TỔNG CỘNG	34.409.399.782	34.151.299.782

7. HÀNG TỒN KHO

	DVT: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa tồn kho	320.897.254.186	118.805.947.121
Nguyên vật liệu tồn kho	229.106.972.569	150.008.816.991
Công cụ dụng cụ tồn kho	525.529.187	364.221.987
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.124.821.386.814	949.423.179.908
Hàng mua đang đi đường	58.818.819.163	38.272.136.389
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.129.506.291)	(26.550.502.524)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.707.040.455.628	1.230.323.799.872

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

						<i>DVT: VND</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	696.723.663.509	884.155.549.152	47.832.085.749	12.861.534.234	538.454.545	1.642.111.287.189
- Mua trong kỳ	48.727.273	7.671.381.858	8.883.388.217	1.092.736.364	384.000.000	18.080.233.712
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	798.653.196	-	163.503.600	-	962.156.796
- Phân loại lại	-	(69.792.942.175)	69.792.942.175	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.196.662.523)	-	-	(1.196.662.523)
Số cuối kỳ	696.772.390.782	822.832.642.031	125.311.753.618	14.117.774.198	922.454.545	1.659.957.015.174
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	446.804.232.677	661.092.220.113	28.022.737.668	10.469.569.683	164.098.689	1.146.552.858.830
- Khấu hao trong kỳ	17.736.248.940	19.367.189.334	8.846.849.694	852.891.511	133.871.597	46.937.051.076
- Phân loại lại	-	(42.203.067.620)	42.196.934.908	6.132.712	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.175.301.171)	-	-	(1.175.301.171)
Số cuối kỳ	464.540.481.617	638.256.341.827	77.891.221.099	11.328.593.906	297.970.286	1.192.314.608.735
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	249.919.430.832	223.063.329.039	19.809.348.081	2.391.964.551	374.355.856	495.558.428.359
Số cuối kỳ	232.231.909.165	184.576.300.204	47.420.532.519	2.789.180.292	624.484.259	467.642.406.439

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>DVT: VND</i>			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	36.758.715.025	30.340.000	13.138.028.563	49.927.083.588
Mua trong kỳ	-	-	125.000.000	125.000.000
Số cuối kỳ	36.758.715.025	30.340.000	13.263.028.563	50.052.083.588
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	5.543.962.382	30.340.000	11.272.283.591	16.846.585.973
Khấu hao trong kỳ	549.875.640	-	578.515.114	1.128.390.754
Phân loại lại	2	-	(2)	-
Số cuối kỳ	6.093.838.024	30.340.000	11.850.798.703	17.974.976.727
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	31.214.752.643	-	1.865.744.972	33.080.497.615
Số cuối kỳ	30.664.877.001	-	1.412.229.860	32.077.106.861

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	<i>DVT: VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	890.352.859.607	520.142.652.278
Khác	64.179.518.153	51.341.926.592
TỔNG CỘNG	954.532.377.760	571.484.578.870

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	DVT: VND				
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	915.930.676.536	239.702.205.888	90.250.454	546.453.001	1.156.269.585.879
Thanh lý	(10.060.724.469)	(5.916.968.245)	-	-	(15.977.692.714)
Phân loại lại	(141.226.381.943)	-	-	-	(141.226.381.943)
Số cuối kỳ	764.643.570.124	233.785.237.643	90.250.454	546.453.001	999.065.511.222
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	305.005.139.418	177.194.336.479	90.250.454	546.453.001	482.836.179.352
Khấu hao trong kỳ	19.560.006.459	13.295.046.007	-	-	32.855.052.466
Thanh lý	(8.001.093.614)	(5.916.968.245)	-	-	(13.918.061.859)
Phân loại lại	(6.590.564.484)	-	-	-	(6.590.564.484)
Số cuối kỳ	309.973.487.779	184.572.414.241	90.250.454	546.453.001	495.182.605.475
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	610.925.537.118	62.507.869.409	-	-	673.433.406.527
Số cuối kỳ	454.670.082.345	49.212.823.402	-	-	503.882.905.747

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	DVT: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (thuyết minh 12.1)	67.685.846.043	177.729.007.570
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(8.033.050.212)	(84.395.028.952)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.972.899.130	655.836.020.299
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	336.625.694.961	749.169.998.917
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào các công ty liên kết (thuyết minh 12.3)	4.273.693.334.138	4.017.019.091.310
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (thuyết minh 12.2)	1.513.306.648.467	1.437.605.391.646
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(157.205.975.054)	(77.175.811.801)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	5.629.794.007.551	5.377.448.671.155
TỔNG CỘNG	5.966.419.702.512	6.126.618.670.072

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

12.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công Ty CP Chế Biến Thủy Sản Út Xi	-	-	60.411.760.000	(40.917.616.000)
Công Ty CP DVBC Viễn Thông Sài Gòn	-	-	48.000.000.000	(35.714.113.000)
Công Ty CP Điện Lực R.E.E	7.815.990.000	(4.971.934.367)	7.815.990.000	(4.971.934.367)
Công Ty CP Măng Cành	5.801.400.000	(2.262.204.714)	5.700.400.000	(2.262.204.714)
Các khoản đầu tư khác	54.068.456.043	(798.911.131)	55.800.857.570	(529.160.871)
TỔNG CỘNG	67.685.846.043	(8.033.050.212)	177.729.007.570	(84.395.028.952)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

<i>Tên Công ty</i>	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị đầu tư (VND)</i>	<i>Dự phòng (VND)</i>	<i>Giá trị đầu tư (VND)</i>	<i>Dự phòng (VND)</i>
Công Ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	470.646.304.200	(75.043.986.000)	470.646.304.200	-
Công Ty CP Sonadezi Châu Đức	183.876.590.000	(73.737.556.000)	183.876.590.000	(73.737.556.000)
Công Ty CP Cấp Nước Khánh Hòa	53.193.860.000	(2.842.420.000)	53.193.860.000	-
Công Ty CP Nhiệt Điện Hải Phòng	32.619.000.000	-	32.619.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	772.970.894.267	(5.582.013.054)	697.269.637.446	(3.438.255.801)
TỔNG CỘNG	1.513.306.648.467	(157.205.975.054)	1.437.605.391.646	(77.175.811.801)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

12.3 Đầu tư vào các công ty liên kết (*)

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu(%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Hoạt động kinh doanh
Công ty liên kết				
(1) Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	28,87	160.992.033.485	138.361.109.269	Bất động sản
(2) Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình	29,44	71.418.181.281	76.160.222.753	Sản xuất điện
(3) Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	23,36	1.326.213.278.611	1.219.996.600.774	Sản xuất điện
(4) Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ	42,63	473.325.513.529	437.734.426.169	Sản xuất điện
(5) Công ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ	25,00	489.377.810.774	453.762.979.299	Sản xuất điện
(6) Công ty CP Thủy Điện SROK PHU MIẾNG	34,30	183.728.208.332	167.523.223.863	Sản xuất điện
(7) Công ty CP Thủy Điện Bình Điền	25,47	80.869.570.674	67.934.440.426	Sản xuất điện
(8) Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hình	21,01	704.736.774.605	698.671.397.963	Sản xuất điện
(9) Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	25,00	35.295.585.186	-	Sản xuất điện
(10) Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	42,10	276.571.423.088	283.811.659.144	Ngành nước
(11) Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	40,00	69.647.710.787	40.527.746.144	Ngành nước
(12) Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức	44,17	58.001.675.862	59.177.810.108	Ngành nước
(13) Công ty CP Đầu Tư Nước Tân Hiệp	32,00	78.529.359.510	77.091.298.544	Ngành nước
(14) Công ty CP Cấp Nước Trung An	29,00	-	23.823.831.140	Ngành nước
(15) Công ty CP Cấp Nước Gia Định	20,05	27.517.192.545	29.066.790.237	Ngành nước
(16) Công ty CP Cấp Nước Nhà Bè	20,02	38.920.564.356	40.176.895.080	Ngành nước
(17) Công ty CP Than Núi Béo	23,81	98.953.978.015	98.330.156.234	Sản xuất than
(18) Công ty CP Than Đèo Nai	23,95	73.834.926.716	73.642.001.671	Sản xuất than
(19) Công ty CP Cơ Điện Đoàn Nhất	35,00	25.759.546.783	31.226.502.492	Cơ điện
TỔNG CỘNG		<u>4.273.693.334.138</u>	<u>4.017.019.091.310</u>	

(*) Tại ngày lập báo cáo số liệu của các công ty liên kết chưa được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

12.4 Đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
(1) Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100,00	TP.HCM – Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
(2) Công ty CP Bất Động Sản R.E.E	99,97	TP.HCM – Việt Nam	Bất động sản
(3) Công ty CP Bất Động Sản Song Thanh	99,96	TP.HCM – Việt Nam	Bất động sản
(4) Công ty CP Bất Động Sản Song Mai	99,96	TP.HCM – Việt Nam	Bất động sản
(5) Công Ty CP Hạ Tầng và Bất Động Sản Việt Nam	50,61	Hà Nội- Việt Nam	Bất động sản
(6) Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E (REE ME)	99,99	TP.HCM – Việt Nam	Cơ điện
(7) Trans Orient Pte Ltd.	100,00	Singapore	Kinh doanh và hậu cần
(8) Eastrade International Ltd	99,99	Bán đảo BVI	Thương mại và hậu cần
(9) Công ty CP Điện Máy R.E.E	99,99	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
(10) Công ty TNHH MTV Điện Máy YAMATO Việt Nam (*)	99,99	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
(11) Công ty CP Vĩnh Thịnh	99,96	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
(12) Công ty CP Đầu Tư Nước Sạch Việt Nam	99,97	TP.HCM – Việt Nam	Cung cấp nước
(13) Công Ty CP Thủy Điện Thác Bà	60,42	Yên Bái- Việt Nam	Sản xuất điện
(14) Công Ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Trà Vinh	66,49	Trà Vinh- Việt Nam	Cung cấp điện
(15) Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ Xây Dựng Tín Hiệu Xanh (**)	100,00	TP.HCM – Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện

(*) Công ty TNHH MTV Điện Máy YAMATO Việt Nam được chuyển đổi từ Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ RMC theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 0312403558 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/06/2017.

(**) Trong tháng 8 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ 100% vốn góp của công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Xây Dựng Tín Hiệu Xanh (THX) với giá mua 501.000.000.000 VNĐ, giá trị tài sản thuần của THX tại ngày mua là 500.568.610.064 VNĐ.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

DVT: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.050.215.410	79.563.579.429
Thuế giá trị gia tăng	1.153.071.165	1.418.041.207
Thuế tiêu thụ đặc biệt	643.109.030	997.689.618
Thuế xuất, nhập khẩu	-	142.225.569
Thuế thu nhập cá nhân	1.109.426.206	1.710.257.791
Các loại phí và thuế khác	6.462.698.420	838.401.316
TỔNG CỘNG	50.418.520.231	84.670.194.930

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

DVT: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá vốn dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt	100.329.253.420	107.944.458.008
Chi phí lãi vay	8.073.446.153	8.112.324.416
Chi phí khuyến mãi	5.940.642.774	10.685.365.623
Giá vốn tương ứng doanh thu bất động sản đã ghi nhận	49.610.439.993	55.702.985.627
Lương	24.576.818	-
Các khoản khác	6.118.835.849	55.810.194.722
TỔNG CỘNG	170.097.195.007	238.255.328.396

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

A/ Ngắn hạn

DVT: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn	1.935.043.332	1.279.240.598
Phải trả mua chứng khoán	1.384.577.000	2.387.346.902
Cổ tức, lãi trái phiếu phải trả	44.036.572.700	48.298.295.008
Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.690.163.196	22.876.115.003
TỔNG CỘNG	283.046.356.228	74.840.997.511

B/ Dài hạn

DVT: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận cọc, ký quỹ, ký cược	216.021.614.780	141.381.883.081
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	33.368.959
TỔNG CỘNG	216.021.614.780	141.415.252.040

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

A/ Ngắn hạn

DVT: VND

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn	290.803.647.674	356.243.302.783
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	170.562.747.980	238.227.162.630
TỔNG CỘNG	461.366.395.654	594.470.465.413

B/ Dài hạn

DVT: VND

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ dài hạn	2.335.144.941.119	1.137.447.746.880
<i>Trong đó :</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (**)</i>	<i>170.562.747.980</i>	<i>238.227.162.630</i>
<i>Vay dài hạn (**)</i>	<i>1.469.682.193.139</i>	<i>899.220.584.250</i>
<i>Trái phiếu (***)</i>	<i>694.900.000.000</i>	

() Chi tiết vay dài hạn như sau:**

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng vào ngày kết thúc kỳ báo cáo chịu lãi suất VNĐ tương ứng từ 4,50% đến 10,40%. Chi tiết thể hiện như sau :

<i>Khoản tín dụng số</i>	<i>Số cuối kỳ (VNĐ)</i>	<i>Ngày đến hạn</i>	<i>Mô tả tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)			
VNM140408CM (VNĐ)	186.657.658.582	Ngày 26 tháng 8 năm 2019	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
VNM141190CM (VNĐ)	63.333.333.332	Ngày 29 tháng 6 năm 2018	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
VNM 170276CM (VNĐ)	495.000.000.000	Ngày 24 tháng 7 năm 2024	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam			
HĐTD021C16 (VNĐ)	432.029.820.112	Ngày 02 tháng 02 năm 2028	Tài sản tại địa chỉ số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc tế Việt Nam

112.HDĐTĐ.625.15. Ngày 29 tháng 6 năm
VIB (VNĐ) 33.320.000.000 2020

Khoản phải thu từ cho thuê các tòa
nhà và cổ tức từ Công ty Cổ phần
B.O.O Nước Thủ Đức theo Giấy
chứng nhận cổ đông số 004/CĐ-
TDW

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc tế Việt Nam

100.HDĐTĐ.625.16. Ngày 30 tháng
VIB (VNĐ) 355.555.000.000 9 năm 2021

Khoản phải thu từ cho thuê các tòa
nhà và cổ tức từ Công ty Cổ phần
B.O.O Nước Thủ Đức theo Giấy
chứng nhận cổ đông số 004/CĐ-
TDW

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình

2586/16/TD- Ngày 17 tháng
TT/XXVII (VNĐ) 74.349.129.093 08 năm 2020

Toàn bộ quyền tài sản phát sinh liên
quan từ dự án Khu đô thị mới Nam
Lê Lợi thành phố Quảng Ngãi

TỔNG CỘNG **1.640.244.941.119**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả: 170.562.747.980

(*) Trái phiếu :**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2017/NQ-HĐQT-REE ngày 09 tháng 08 năm 2017 thông qua phương án phát hành riêng lẻ tối đa 1.000 trái phiếu không chuyển đổi, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 5 năm, tính đến 30/09/2017 công ty đã thực hiện phát hành được 700 trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>DVT: VND</i>						
	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu ngân quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>
Năm trước							
Số đầu năm	2.696.168.100.000	1.050.489.310.786	(31.342.660)	835.448.479	194.784.660.605	42.598.429.318	2.349.535.745.815
Tăng vốn trong năm trước	404.420.310.000		(51.684.000)				(404.420.310.000)
Lợi nhuận tăng trong kỳ							1.093.237.014.487
Tăng, giảm khác					43.334.159.785	(42.598.429.318)	461.107.440
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				287.397.590			
Chi trả cổ tức							(269.614.063.000)
Phân phối quỹ							(3.305.644.472)
Số cuối kỳ	3.100.588.410.000	1.050.489.310.786	(83.026.660)	1.122.846.069	238.118.820.390	-	2.765.893.850.270
Năm nay							
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.489.310.786	(83.026.660)	1.122.846.069	238.118.820.390	-	2.765.893.850.270
Lợi nhuận tăng trong kỳ							1.038.966.613.895
Tăng (giảm) khác							(492.409.578)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				(14.694.166)			
Chi trả cổ tức							(496.081.481.600)
Phân phối quỹ					1.712.084.734		(3.990.025.923)
Số cuối kỳ	3.100.588.410.000	1.050.489.310.786	(83.026.660)	1.108.151.903	239.830.905.124	-	3.304.296.547.064

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III ngày 30 tháng 09 năm 2017

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

DVT: VND

	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016
Tổng doanh thu	1.083.688.960.819	937.663.871.621
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu sản xuất, thương mại</i>	209.507.179.699	182.339.400.741
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan), kinh doanh bất động sản</i>	139.161.102.076	138.686.855.821
<i>Doanh thu từ dịch vụ cung cấp & lắp đặt</i>	519.578.195.661	444.003.701.429
<i>Doanh thu điện- nhiên liệu</i>	215.442.483.383	172.633.913.630
Các khoản giảm trừ doanh thu	(581.686.220)	(18.480.000)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(581.686.220)	(18.480.000)
Doanh thu thuần	1.083.107.274.599	937.645.391.621

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

DVT: VND

	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016
Lãi tiền gửi	23.498.809.334	23.199.831.288
Cổ tức lợi nhuận được chia	19.733.655.500	10.358.508.903
Lãi từ bán, thanh lý các khoản đầu tư	-	13.681.873.081
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	660.726.427	152.575.139
Khác	131.983.051	176.121.142
TỔNG CỘNG	44.025.174.312	47.568.909.553

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

DVT: VND

	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016
Chi phí lãi vay	21.651.640.020	12.328.406.278
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(358.174.929)	30.597.807
Lỗ do bán các khoản đầu tư	-	423.409
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư	12.829.276.365	404.128.045
Chi phí tài chính khác	22.458.680	117.360.535
TỔNG CỘNG	34.145.200.136	12.880.916.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III ngày 30 tháng 09 năm 2017

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

DVT: VND

	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016
Thu nhập khác	5.182.249.434	3.173.545.941
Thu thanh lý tài sản	314.038.648	519.090.909
Thu bán phế liệu, phạt	63.617.991	5.950.000
Thu nhập khác	4.804.592.795	2.648.505.032
Chi phí khác	1.817.360.207	692.935.292
Chi phí khác	1.817.360.207	692.935.292

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty, ngoại trừ Trans Orient Pte Ltd và Eastrade International Ltd (Trans Orient Pte Ltd được thành lập tại Singapore và Eastrade International Ltd tại bán đảo BVI), có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, trừ thu nhập cổ tức được miễn thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

DVT: VND

	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51.330.512.657	49.355.312.189
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.613.585.104)	(599.248.971)
TỔNG CỘNG	49.716.927.553	48.756.063.218

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Nhóm công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Số tiền
Công Ty CP Thủy Điện Srok Phu Miêng	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	5.401.862.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III ngày 30 tháng 09 năm 2017

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm năm bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

Dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt

Sản xuất, thương mại

Bất động sản

Điện- Nhiên liệu

Nước

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III ngày 30 tháng 09 năm 2017

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả bộ phận Quý III năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

DVT: VND

	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Điện- Nhiên liệu	Nước	Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>						
Tổng doanh thu của bộ phận	737.604.155.339	217.513.396.312	157.554.066.015	215.442.483.383	-	1.328.114.101.049
Doanh thu giữa các bộ phận	(218.025.959.678)	(8.587.902.833)	(18.392.963.939)	-	-	(245.006.826.450)
TỔNG CỘNG	519.578.195.661	208.925.493.479	139.161.102.076	215.442.483.383	-	1.083.107.274.599
<i>Kết quả bộ phận</i>						
Kết quả hoạt động kinh doanh	78.690.964.387	10.574.512.962	111.738.448.294	213.051.609.508	27.315.754.580	441.371.289.730
Thu nhập tài chính						37.157.314.831
Chi phí tài chính						(34.145.250.071)
Thu nhập khác						5.182.249.434
Chi phí khác						(1.817.360.207)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(49.716.927.553)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát						(26.644.793.287)
Tổng lợi nhuận sau thuế						371.386.522.877

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

DVT: VND

	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Điện- Nhiên liệu	Nước	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	2.168.327.177.732	557.863.295.572	2.708.104.706.883	5.655.238.313.439	599.725.601.806	11.689.259.095.432
Tài sản không phân bổ						1.815.190.676.793
TỔNG TÀI SẢN						13.504.449.772.225
Nợ của bộ phận	1.939.440.934.424	371.610.253.442	1.032.590.713.519	605.001.992.633	-	3.948.643.894.018
Nợ không phân bổ						1.322.795.409.543
TỔNG NỢ						5.271.439.303.561

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III ngày 30 tháng 09 năm 2017

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

DVT: VND

Kết quả bộ phận Quý III năm 2016 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau:

	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Điện- Nhiên liệu	Nước	Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>						
Tổng doanh thu của bộ phận	526.209.877.831	326.605.394.998	156.948.580.838	172.633.913.630	-	1.182.397.767.297
Doanh thu giữa các bộ phận	(82.206.176.402)	(144.284.474.257)	(18.261.725.017)	-	-	(244.752.375.676)
TỔNG CỘNG	444.003.701.429	182.320.920.741	138.686.855.821	172.633.913.630	-	937.645.391.621
<i>Kết quả bộ phận</i>						
Kết quả hoạt động kinh doanh	59.242.953.471	13.500.042.981	113.012.449.608	88.739.606.468	13.292.253.372	287.787.305.900
Thu nhập tài chính						35.148.654.703
Chi phí tài chính						(12.476.364.620)
Thu nhập khác						3.173.545.941
Chi phí khác						(692.935.292)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(48.756.063.218)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát						(18.206.358.202)
Tổng lợi nhuận sau thuế						245.977.785.212

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau

DVT: VND

	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Điện- Nhiên liệu	Nước	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	2.221.115.354.954	357.895.115.433	1.802.291.353.147	4.145.036.759.070	708.739.678.647	9.235.078.261.251
Tài sản không phân bổ						863.916.455.440
TỔNG TÀI SẢN						10.098.994.716.691
Nợ của bộ phận	1.883.925.285.098	230.930.635.338	376.784.210.304	378.100.917.419	66.203.606.400	2.935.944.654.559
Nợ không phân bổ						220.305.448.969
TỔNG NỢ						3.156.250.103.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III ngày 30 tháng 09 năm 2017

24. CÁC SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính kỳ này.

25. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 và Quý III năm 2017 kết thúc cùng ngày đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 27 tháng 10 năm 2017.



Phạm Thị Uyên Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2017